

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP,
Nghị định 97/2023/NĐ-CP (Học kỳ II năm học 2023-2024)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính Phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;

Căn cứ Danh sách đề nghị cấp hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (Tiểu học, THCS) được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (Kỳ II năm học 2023 - 2024) do phòng Giáo dục và Đào tạo huyện lập và Báo cáo số 587/BC-TCKH ngày 16/12/2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (Tiểu học, THCS, liên cấp) được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, Nghị

định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (Kỳ II năm học 2023- 2024) huyện An Lão với tổng số tiền là: **144.990.000 đồng**

(Một trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

Khối Mầm non: 12.150.000 đồng; Khối Tiểu học: 65.400.000 đồng; Khối THCS: 42.390.000 đồng; Khối trường liên cấp là: 25.050.000 đồng.

Bằng nguồn sự nghiệp giáo dục trong Dự toán ngân sách năm 2024.

Có phụ lục chi tiết kèm theo quyết định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Phòng Tài chính- Kế hoạch thực hiện thông báo dự toán kinh phí được cấp cho các trường liên cấp; Trung học cơ sở; Mầm non công lập và hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

- Hiệu trưởng các trường các trường liên cấp; Trung học cơ sở; Mầm non công lập chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được cấp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường: Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non, liên cấp; Giám đốc kho bạc nhà nước An Lão; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Thế Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO**

Số: 7232 / QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP,
Nghị định 97/2023/NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2024-2025)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính Phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;

Căn cứ Danh sách đề nghị cấp hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (Tiểu học, THCS) được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (Kỳ I năm học 2024 - 2025) do phòng Giáo dục và Đào tạo huyện lập và Báo cáo số 588/BC-TCKH ngày 16/12/2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng là trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (Tiểu học, THCS, liên cấp) được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, Nghị

định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (Kỳ I năm học 2024- 2025) huyện An Lão với tổng số tiền là: **114.594.000 đồng**

(Một trăm mười bốn triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

Khối Mầm non: 8.400.000 đồng; Khối Tiểu học: 47.250.000 đồng; Khối THCS: 40.944.000 đồng; Khối trường liên cấp là: 18.000.000 đồng.

Bằng nguồn sự nghiệp giáo dục trong Dự toán ngân sách năm 2024.

Có phụ lục chi tiết kèm theo quyết định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Phòng Tài chính- Kế hoạch thực hiện thông báo dự toán kinh phí được cấp cho các trường liên cấp; Trung học cơ sở; Mầm non công lập và hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

- Hiệu trưởng các trường các trường liên cấp; Trung học cơ sở; Mầm non công lập chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được cấp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường: Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non, liên cấp; Giám đốc kho bạc nhà nước An Lão; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Thế Vinh



Biên số 2- Ban hành kèm theo Thông tư 90/2017/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường THCS Mỹ Đức
Chương 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ- THCS ngày 25 tháng 01 năm 2024 của trường THCS Mỹ Đức)

SỐ TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
I	Tổng số thu chi nộp ngân sách phí, lệ phí	8.550.000
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.550.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.550.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	

5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	